TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2024/DS-PT
Ngày: 27-8-2024
V/v tranh chấp "*Ly hôn, nuôi con chung"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt.

Các Thẩm phán:Ông Lê Thanh Vân.

Bà Lâm Ngọc Tuyền.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khanh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Bà Nguyễn Thị Cẩm Thúy - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 50/2024/TLPT-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2024 về tranh chấp "Ly *hôn, nuôi con chung"*.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 98/2024/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 374/2024/QĐ-PT ngày 14 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Hồ Thị Hồng C**, sinh năm 1977 (có mặt).

Địa chỉ: Số A, ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Anh **Võ Văn Đ**, sinh năm 1971 (có mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, Tiền Giang.

- *Người kháng cáo*: Bị đơn Võ Văn Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm,

** Nguyên đơn Hồ Thị Hồng C trình bày*:

Chị và anh Võ Văn Đ có quen biết nhau, sau đó tiến đến hôn nhân vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện C (nay là thành phố M), tỉnh

Tiền Giang. Sau cưới, vợ chồng chung sống bên gia đình chồng. Sau khi sanh đứa con đầu một thời gian thì có bất đồng về quan điểm, con còn nhỏ, anh Đ đi làm ở huyện T, còn phải lo cho mẹ và người em bị bệnh nên chị C đến nhà tập thể do Nhà nước cho thuê để ở, mẹ ruột chị đến ở cùng để phụ chăm con cho chị; anh Đ không có đi cùng mà có tới lui thăm nom vợ con. Trước khi lấy chồng, chị đã được cha mẹ cho 01 miếng đất vào năm 2000 ở số A ấp M, xã M, thành phố M, Tiền Giang. Thấy chị ở nhà thuê chật chội nên người chị thứ hai bỏ tiền ra cất nhà cho chị ở, lúc đó do kinh tế còn eo hẹp nên chỉ cất đơn sơ, sau này có xây dựng lại khang trang hơn nên phải làm thủ tục hoàn công và cấp đổi lại giấy mới, vì vậy đã cấp giấy mới vào ngày 06/5/2019, chi phí cũng do người chị thứ hai bỏ ra, chị chỉ phụ một ít, anh Đ có phụ một ít. Đến năm 2015 sau khi sinh đứa con thứ hai thì vợ chồng đã thấy không còn hợp nhau, tính tình trái ngược nhau, kinh tế tự lo chứ không hỗ trợ cho nhau, không quan tâm nhau, quan hệ vợ chồng chỉ là gượng gạo chứ tình cảm chị đã hết, khoảng 01 năm nay thì vợ chồng không còn quan hệ nữa. Cả hai đã không sống chung với nhau từ năm 2007 nên tình cảm không được vun vén, mâu thuẫn đã nhiều năm mà không khắc phục được, chị cũng không còn tình cảm với anh Đ vì vậy chị yêu cầu được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Có hai con chung tên Võ Minh P, sinh ngày 04/9/2007 và Võ Thiên K, sinh ngày 22/02/2014. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung, chị không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: chị C rút lại yêu cầu đã khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Về tài sản riêng: Đã thỏa thuận xong nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn Võ Văn Đ trình bày:*

Anh thống nhất thời gian cưới, đăng ký kết hôn như chị C trình bày. Sau cưới, vợ chồng chung sống bên gia đình anh. Anh công tác ở huyện T, chị C công tác ở M, cả hai đi làm rồi về nhà cha mẹ anh. Sau khi sinh đứa con đầu, anh đồng ý cho chị C ra ngoài thuê nhà ở để tiện đi làm và chăm sóc con, anh tới lui chăm sóc, thỉnh thoảng ở lại chứ không ở luôn vì đi làm xa, nhà còn có mẹ già và đứa em bệnh. Vợ chồng không thường xuyên sống chung với nhau chứ không có mâu thuẫn gì lớn. Anh không có phụ tiền cho chị C nhưng vẫn chăm lo tiền học cho các con. Anh vì hoàn cảnh gia đình (mẹ già, em bệnh mà không có người trực tiếp chăm sóc) nên không có đến ở cùng vợ, con, từ đó tình cảm vợ chồng không được vun vén. Thật sự vợ chồng không có mâu thuẫn gì, hàng năm cả gia đình vẫn đi du lịch cùng nhau. Việc người chị hai của vợ bỏ tiền ra cất nhà là đúng như trình bày, tuy khoán cho thợ nhưng vẫn phải có người trông coi nên anh đã đến trông coi trong thời gian này (anh vẫn còn làm ở T). Thấy các con đã lớn, cần phải phụ chăm lo với vợ nên anh đã xin chuyển công tác về M khoảng 02 năm nay. Thời gian vợ chồng không sống chung thường xuyên nhưng anh vẫn tới lui thăm nom, vợ không có phàn nàn gì về việc anh không sống chung để cùng lo cho con. Vợ chồng anh không có mâu thuẫn gì lớn, chỉ do không thường xuyên sống chung

với nhau nên vợ mới nói hết tình cảm, anh đến thăm con thì chị vợ không cho gặp vì vậy ít có cơ hội gần gũi các con. Nay, anh xác định là anh còn rất yêu thương vợ, con, anh không đồng ý ly hôn. Anh xin cho cơ hội để anh sắp xếp việc gia đình, thời gian để về sống gần gũi với vợ con, anh đồng ý bất cứ điều kiện nào do chị C đặt ra.

Về con chung: có hai con chung như chị C trình bày. Anh yêu cầu được nuôi bé Thiên K, không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Đã thỏa thuận xong nên không có yêu cầu gì.

Về nợ chung: Không có

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị C vẫn giữ yêu cầu khởi kiện như đã trình bày. Anh Đ không đồng ý ly hôn, nếu Tòa án cho chị C ly hôn thì anh đồng ý để chị C tiếp tục nuôi dưỡng hai con, anh không tự nguyện cấp dưỡng mà sẽ có trách nhiệm với con.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 98/2024/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Căn cứ Điều 28, 35, 147; Điều 244, Điều 218 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho chị Hồ Thị Hồng C được ly hôn với anh Võ Văn Đ.

2. *Về con chung*: Giao chị Hồ Thị Hồng C tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung tên Võ Minh P, sinh ngày 04/9/2007 và Võ Thiên K, sinh ngày 22/02/2014. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con do chị C không yêu cầu.

Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung của chị Hồ Thị Hồng C.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

* Ngày 25 tháng 6 năm 2024, bị đơn Võ Văn Đ có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm với nội dung: không đồng ý ly hôn với bà Hồ Thị Hồng C.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Chị C vẫn yêu cầu ly hôn; anh Đ vẫn giữ yêu cầu kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của

người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung tranh chấp: Xét mối quan hệ hôn nhân của chị C và anh Đ không còn yêu thương, chăm sóc, tôn trọng lẫn nhau mến chị C yêu cầu ly hôn là có căn cứ; từ đó, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Đ, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn Võ Văn Đ trong hạn luật định, hợp lệ nên được xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn Võ Văn Đ:

Anh Đ kháng cáo không đồng ý ly hôn với chị C, theo đơn kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm anh Đ trình bày: Thời gian vợ chồng anh chị sống chung 17 năm không hề có xích mích, phiền toái hay bất cứ mâu thuẫn gì trong cuộc sống nên còn khả năng hàn gắn sum họp để cùng chăm lo cho các con.

Qua diễn biến phiên tòa, lời khai của anh Đ và chị C thống nhất là sau khi kết hôn, chị C sinh con đầu là cháu Võ Minh P (sinh ngày 04/9/2007) thì về ở tại khu tập thể Mỹ Tho; anh Đ thì sinh sống chung với mẹ ruột của mình, đến năm 2009, anh Đ phụ chị cất nhà ra ở riêng nhưng anh Đ vẫn sống cùng mẹ ruột, và đi tới lui cùng chị chăm sóc con chung. Theo chị C, thời gian kéo dài được 17 năm có nhiều mâu thuẫn trong quan niệm sống, cách cư xử với nhau, ngay cả trong sinh hoạt riêng tư của vợ chồng. Đối với anh Đ thì cho rằng, vợ chồng anh chị có mâu thuẫn nhưng không mâu thuẫn nào là trầm trọng để phải ly hôn. Nhận thấy, trong khoảng thời gian 17 năm tồn tại mối quan hệ hôn nhân là khoảng thời gian dài, nhưng anh chị vẫn không về sống chung một nhà, thể hiện thiếu sự thiết tha đối với nhau, điều này không thể đến từ một phía mà phải do hai anh chị cùng mong muốn. Do vậy, lời chị C khai thời gian này có mâu thuẫn là đúng, nhưng do anh Đ thiếu quan tâm đến vợ, không hiểu vợ nên không biết có mâu thuẫn gì dẫn đến việc chị C cương quyết ly hôn. Cũng từ nguyên nhân không sống chung với nhau nên thời gian chia sẽ công việc cũng như sự thấu hiểu tâm tư tình cảm lẫn nhau không có nên không có sự hòa hợp, đến khi có mâu thuẫn thì anh chị không cùng nhau giải quyết được dẫn đến mâu thuẫn ngày càng nhiều hơn và trầm trọng hơn. Cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tình trạng hôn nhân của hai anh chị, đồng thời xác định hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt nên cho chị C được ly hôn với anh Đ là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Anh Đ kháng cáo nhưng không đưa ra được giải pháp nào nhằm thuyết phục được chị C đồng ý tạo cơ hội hàn gắn quan hệ hôn nhân nên yêu cầu kháng cáo

của anh Đ không được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận, cần giữ nguyên án sơ thẩm.

Đối với việc chị C rút yêu cầu yêu cầu chia tài sản chung và anh Đ đồng ý, Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ là phù hợp, tuy nhiên không tuyên hậu quả của việc đình chỉ yêu cầu này là thiếu sót, Tòa án cấp phúc thẩm cần bổ sung nội dung này.

Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên đã phát sinh hiệu lực kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Về án phí: Do kháng cáo của anh Đ không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Về ý kiến và đề nghị của đ ạ i"đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 148; Điều 218, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Võ Văn Đ.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 98/2024/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Hồ Thị Hồng C được ly hôn với anh Võ Văn Đ.

2. Về con chung: Giao chị Hồ Thị Hồng C tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung tên Võ Minh P, sinh ngày 04/9/2007 và Võ Thiên K, sinh ngày 22/02/2014. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con do chị C không yêu cầu.

Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung của chị Hồ Thị Hồng C.

Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

4. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Hồ Thị Hồng C chịu là 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại Biên lai số 0024548 ngày 06/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang nên xem như nộp đủ án phí.

H lại cho chị Hồ Thị Hồng C số tiền tạm ứng án phí 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) theo biên lai thu số 0024547 ngày 06/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Võ Văn Đ chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm số 0006336 ngày 25/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, anh Đ đã nộp đủ án phí.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điề u"Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thành phố Mỹ Tho
- Chi cục THADS thành phố Mỹ Tho;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA;
- Cổng thông tin điện tử:
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Minh Nguyệt